

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **63/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 08/8/2019

V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Giáp Văn Phẩm.

2. Ông Trần Đăng Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ca - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp “Hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Hoàng Văn T** - Sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Thôn C - xã K - huyện L - tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn: Chị **Vi Thị P** - Sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Thôn C - xã K - huyện L - tỉnh Bắc Giang.

Anh T có mặt, chị P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2019 và những lời khai của nguyên đơn anh Hoàng Văn T và trong quá trình xét xử thì nội dung vụ án như sau:

Anh Hoàng Văn T kết hôn với chị Vi Thị P vào ngày 09/3/2007. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Anh T, chị P có đăng ký kết hôn tại UBND xã T - L. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống cùng nhau ngay và ở chung cùng gia đình anh T tại thôn L - T - L. Đến năm 2010 được bố mẹ cho ra ở riêng tại thôn C - K - L. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, trong cuộc sống có nhiều bất đồng về cách làm ăn và nuôi dạy con cái. Tháng 9/2014 chị P nói là đi làm công ty sau đó bỏ đi đâu anh T không được biết. Anh đã hỏi người thân của chị P nhưng người thân, gia đình chị phẹn cũng không biết chị P đi đâu làm gì. Trong thời gian dài anh cũng đã cố gắng liên lạc với chị P nhưng cũng không được. Anh đã làm đơn đề nghị tòa án huyện Lục Ngạn tuyên bố mất tích đối với chị Hoàng Thị P. Tại Quyết định số 09 ngày 30/11/2018 Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn đã ra Quyết định tuyên bố mất tích đối với chị P. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên nội dung đơn ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị P.

Về con chung: Anh T, chị P có hai con chung là cháu Hoàng Văn Q - Sinh ngày 16/4/2007 và cháu Hoàng Lệ T - Sinh ngày 01/12/2010. Hiện nay hai cháu đang ở cùng anh T. Vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Anh Hoàng Văn T và chị Vi Thị P có tài sản chung nhưng anh không kê khai và không đề nghị tòa án giải quyết. Vợ chồng không liên quan vay nợ nên không đề nghị tòa án giải quyết.

Đối với chị Vi Thị P tại Quyết định số 09 ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn đã tuyên bố chị Vi Thị P mất tích. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án và tiến hành xét xử vắng mặt chị Vi Thị P.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/6/2019 cháu Hoàng Văn Q và cháu Hoàng Thị T đều trình bày nguyện vọng muốn ở với anh Hoàng Văn T.

Tại phiên Tòa anh Hoàng Văn T vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vi Thị P và đề nghị được nuôi cả hai con chung.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Đương sự đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Cho anh Hoàng Văn T được ly hôn với chị Vi Thị P.

Giao cho anh Hoàng Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung là cháu Hoàng Văn Q - Sinh ngày 16/4/2007 và cháu Hoàng Lê T - Sinh ngày 01/12/2010. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ không đặt ra xem xét giải quyết

Về án phí anh Hoàng Văn T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Hoàng Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn, con chung với chị Vi Thị P. Đây là quan hệ tranh chấp dân sự

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Vi Thị P đã bị Tòa án tuyên bố mất tích tại Quyết định số: 09/2019/QĐDS ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản và tiến hành xét xử vắng mặt chị P.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Hoàng Văn T và chị Vi Thị P tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2007 vợ chồng có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2014, chị P đã bỏ đi nhưng không ai biết đi đâu. Tại Quyết định số: 09/2018/QĐDS ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đã tuyên bố chị Vi Thị P mất tích. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của anh Hoàng Văn T. Cho anh Hoàng Văn T được ly hôn với chị Vi Thị P.

[3] Về con chung:

Anh Hoàng Văn T và chị Vi Thị P có hai con chung là cháu Hoàng Văn Q - Sinh ngày 16/4/2007 và cháu Hoàng Lệ T - Sinh ngày 01/12/2010, hiện hai cháu đang ở cùng anh T, khi ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung. Trong lời khai của mình cháu Q và cháu T đều có nguyện vọng muốn ở cùng anh T. Do vậy cần giao cháu Hoàng Văn Q và cháu Hoàng Lệ T cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình và phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Chị P đã bị tuyên bố mất tích nên vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Hoàng Văn T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

** Vì các lẽ trên.*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn T. Cho anh Hoàng Văn T được ly hôn với chị Vi Thị P.

2. Về con chung: Giao cho anh Hoàng Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung là cháu Hoàng Văn Q - Sinh ngày 16/4/2007 và cháu Hoàng Lệ T - Sinh ngày 01/12/2010. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận anh T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/ 0005506 ngày 06/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn. Khoản tiền này được chuyển thành án phí.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh Bắc Giang
- Viện kiểm ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn.
- UBND xã T, L;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Việt Hùng